

*

Số 3012-QĐ/HVBCTT-ĐT

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng đối với sinh viên hệ đại học chính quy tập trung K43, K44, K45 năm học 2025 - 2026

Căn cứ Quyết định số 56-QĐ/HVCTQG ngày 10/01/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Quyết định số 1731/QĐ-HVBCTT ngày 03/04/2023 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 2066/QĐHVBCTT ngày 24/04/2023 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc ban hành Quy định về thi đua khen thưởng và kỷ luật đối với sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ kết luận của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh năm học 2025 - 2026;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng xét khen thưởng cho sinh viên hệ Đại học chính quy K43, K44, K45 năm học 2025 - 2026;

Xét đề nghị của Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Tặng giấy khen cho 01 tập thể lớp đạt danh hiệu “*Lớp sinh viên Xuất sắc*” năm học 2025-2026 (Có danh sách kèm theo);

- Tặng giấy khen cho 197 sinh viên đạt danh hiệu “*Sinh viên Xuất sắc*” năm học 2025 - 2026 (Có danh sách kèm theo);

- Tặng giấy khen cho 337 sinh viên đạt danh hiệu “*Sinh viên Giỏi*” năm học 2025 - 2026 (Có danh sách kèm theo);

- Tặng giấy khen cho 39 sinh viên nước CHDCND Lào đạt danh hiệu “*Sinh viên quốc tế có thành tích trong học tập*” năm học 2025 – 2026 (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Định mức chi thưởng cho tập thể lớp và cá nhân sinh viên có tên trong danh sách được chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Học viện.

Điều 3. Trưởng ban Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, lớp và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc,
- Như Điều 3,
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh Sơn

*

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 43, 44, 45 ĐƯỢC KHEN THƯỞNG
NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Quyết định số 3012 ngày 04/9/2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

I. Sinh viên đạt thành tích Xuất sắc (197)

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
1	2454030075	NGUYỄN HỒNG NGỌC	QLC K44 A2	4.0	95	Xuất sắc	CTH
2	2454030061	TRẦN LINH ĐAN	QLC K44 A2	3.74	95	Xuất sắc	CTH
3	2355310044	PHẠM HOÀNG SƠN	CTPT K43	3.91	94	Xuất sắc	CTH
4	2355310045	NGUYỄN QUANG THÀNH	CTPT K43	3.94	91	Xuất sắc	CTH
5	2355360039	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	CSC_K43	4.0	90	Xuất sắc	CTH
6	2355360021	TRẦN THỊ THÙY LINH	CSC_K43	3.92	95	Xuất sắc	CTH
7	2454030034	PHÙNG THẢO PHƯƠNG	QLC_K44A1	3.78	97	Xuất sắc	CTH
8	2454030016	NGUYỄN THÚY HÀ	QLC_K44A1	3.75	91	Xuất sắc	CTH
9	2354030021	NGUYỄN THÁI THẢO LY	QLC_K43	3.95	9.0	Xuất sắc	CTH
10	2354030045	NGUYỄN THỦY TIÊN	QLC_K43	3.92	9.0	Xuất sắc	CTH
11	2354030038	NGUYỄN MINH THU	QLC_K43	3.88	93	Xuất sắc	CTH
12	2354030011	ĐỖ KHÁNH HÀ	QLC_K43	3.88	92	Xuất sắc	CTH
13	2354030032	TRẦN THỊ DIỆP OANH	QLC_K43	3.88	91	Xuất sắc	CTH
14	2551040095	HOÀNG NGUYỄN	TTĐPT_K45A2	3.88	100	Xuất sắc	BC-TT
15	2556060013	LƯU HOÀNG QUỲNH HƯƠNG	QUAYPHIM_K45	3.6	92	Xuất sắc	BC-TT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khóa/viện
16	2456050020	ĐÀO PHƯƠNG HIỀN	TRUYENHINH_K44A1	3.83	90.5	Xuất sắc	BC-TT
17	2456050040	NGUYỄN ÁNH NGỌC	TRUYENHINH_K44A1	3.69	95.3	Xuất sắc	BC-TT
18	2451040105	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	TTĐPT_K44A2	3.79	92	Xuất sắc	BC-TT
19	2451040107	ĐÀO THỊ PHƯƠNG UYÊN	TTĐPT_K44A2	3.79	90.5	Xuất sắc	BC-TT
20	2456020020	DƯƠNG NGỌC LINH	BAOIN_K44	3.83	91	Xuất sắc	BC-TT
21	2456020003	TRẦN NGỌC ÁNH	BAOIN_K44	3.77	90.25	Xuất sắc	BC-TT
22	2351050028	VĂN GIA KHÁNH	TTĐC_K43A1	4.0	94	Xuất sắc	BC-TT
23	2351050029	ĐỖ KHÁNH LINH	TTĐC_K43A1	4.0	92	Xuất sắc	BC-TT
24	2351050047	NGUYỄN THỊ NHƯ	TTĐC_K43A1	4.0	91.5	Xuất sắc	BC-TT
25	2351050052	TRƯƠNG MINH THU	TTĐC_K43A1	4.0	92	Xuất sắc	BC-TT
26	2351050035	TRẦN THẢO LINH	TTĐC_K43A1	4.0	93	Xuất sắc	BC-TT
27	2351050054	BÙI THỊ THU TRANG	TTĐC_K43A1	4.0	92	Xuất sắc	BC-TT
28	2356050003	NGUYỄN QUỲNH ANH	TH K43	4.0	90.25	Xuất sắc	BC-TT
29	2356050027	TRẦN PHƯƠNG MAI	TH K43	4.0	90	Xuất sắc	BC-TT
30	2356050038	THÁI THỊ QUỲNH PHƯƠNG	TH K43	4.0	93	Xuất sắc	BC-TT
31	2356050010	BÙI QUANG HÙNG	TH K43	3.96	94	Xuất sắc	BC-TT
32	2356050050	ĐẶNG MINH VŨ	TH K43	3.95	98	Xuất sắc	BC-TT
33	2556020002	ĐẶNG HẢI ANH	Báo In K45	3.71	92	Xuất sắc	BC-TT
34	2351050063	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	TTĐC_K43A2	3.97	92	Xuất sắc	BC-TT
35	2351050099	HOÀNG THỊ LINH NGÀ	TTĐC_K43A2	3.9	90.5	Xuất sắc	BC-TT
36	2351050069	NGÔ QUỲNH CHI	TTĐC_K43A2	3.89	94	Xuất sắc	BC-TT
37	2551050011	TRẦN THANH BÌNH	TTĐC_K45A1	3.84	90.75	Xuất sắc	BC-TT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khóa/viện
38	2356070017	LỤC HƯƠNG GIANG	MĐT_K43	4.0	90.5	Xuất sắc	BC-TT
39	2356070031	LÊ VŨ TÙNG LÂM	MĐT_K43	4.0	91	Xuất sắc	BC-TT
40	2356070047	NGUYỄN TRẦN NAM PHƯƠNG	MĐT_K43	4.0	94.5	Xuất sắc	BC-TT
41	2356070032	HOÀNG NGUYỄN NGỌC LINH	MĐT_K43	3.96	92	Xuất sắc	BC-TT
42	2356070037	TRỊNH NGUYỄN HÀ LINH	MĐT_K43	3.9	93.5	Xuất sắc	BC-TT
43	2556030030	NGUYỄN HOÀNG THU NGÂN	ANH_K45	3.64	95	Xuất sắc	BC-TT
44	2451040133	NGUYỄN TRANG LÊ	TTĐPT K44 A3	3.75	91	Xuất sắc	BC-TT
45	2451040144	LƯU HẢI MINH	TTĐPT K44 A3	3.75	92	Xuất sắc	BC-TT
46	2556050047	ĐẶNG THUYẾT TRANG	TRUYENHINH K45_A1	3.82	95	Xuất sắc	BC-TT
47	2556050010	HUYỀN KHÚC THANH BÌNH	TRUYENHINH K45_A1	3.66	93	Xuất sắc	BC-TT
48	2556050049	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	TRUYENHINH K45_A1	3.63	95	Xuất sắc	BC-TT
49	2551050100	CHU TÂM THANH	TTĐC K45A2	3.66	92	Xuất sắc	BC-TT
50	2551050101	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	TTĐC K45A2	3.63	92.5	Xuất sắc	BC-TT
51	2456050067	HOÀNG CHÍ CƯỜNG	TRUYENHINH_K44A2	3.72	99	Xuất sắc	BC-TT
52	2456050094	NGUYỄN MINH NGỌC	TRUYENHINH_K44A2	3.91	99	Xuất sắc	BC-TT
53	2456050102	NGÔ ANH THƯ	TRUYENHINH_K44A2	3.70	93	Xuất sắc	BC-TT
54	2456050106	NGUYỄN QUANG VINH	TRUYENHINH_K44A2	3.86	90	Xuất sắc	BC-TT
55	2456070014	NGUYỄN NGỌC HÀ GIANG	MĐTK44_A1	3.82	91	Xuất sắc	BC-TT
56	2456070040	TRỊNH MINH NGỌC	MĐTK44_A1	3.77	91	Xuất sắc	BC-TT
57	2456070001	PHẠM THỊ THUYẾT AN	MĐTK44_A1	3.76	92	Xuất sắc	BC-TT
58	2356040045	NGUYỄN THỊ MỘNG QUYỀN	PHATTHANH_K43	4.0	93.75	Xuất sắc	BC-TT
59	2356040041	TỔNG YẾN NHI	PHATTHANH_K43	4.0	92.25	Xuất sắc	BC-TT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khóa/viện
60	2356040026	PHẠM THỊ KHÁNH LY	PHATTHANH_K43	4.0	91.75	Xuất sắc	BC-TT
61	2356040002	NGUYỄN LÊ KỶ ANH	PHATTHANH_K43	4.0	91.15	Xuất sắc	BC-TT
62	2356040004	VŨ HOÀNG TRANG ANH	PHATTHANH_K43	4.0	92.25	Xuất sắc	BC-TT
63	2356020051	NGUYỄN THỊ THU TRANG	BAOIN_K43	4.0	93	Xuất sắc	BC-TT
64	2356020026	TRẦN VĂN KHÁNH	BAOIN_K43	4.0	91	Xuất sắc	BC-TT
65	2356020008	NGUYỄN HẠNH DUNG	BAOIN_K43	4.0	90	Xuất sắc	BC-TT
66	2351040036	NGÔ THỊ CẨM NA	TTĐPT_K43	3.93	91.5	Xuất sắc	BC-TT
67	2351040042	TRẦN MINH PHƯƠNG	TTĐPT_K43	3.89	90.8	Xuất sắc	BC-TT
68	2451050094	NGUYỄN THANH NGÂN	TTĐC_K44A2	3.78	95	Xuất sắc	BC-TT
69	2451050076	VŨ NGỌC HIỆP	TTĐC_K44A2	3.73	95	Xuất sắc	BC-TT
70	2456060011	NGUYỄN THẾ DƯƠNG	QPTH K44	3.74	92	Xuất sắc	BC-TT
71	2456060024	NGUYỄN KHÁNH LY	QPTH K44	3.68	95	Xuất sắc	BC-TT
72	2456030020	TRẦN THU HUYỀN	ANH_K44	3.78	91	Xuất sắc	BC-TT
73	2456030037	NGUYỄN DIỆU THẢO	ANH_K44	3.68	91.5	Xuất sắc	BC-TT
74	2356060015	LÊ NGUYỄN THU HẰNG	QPTH K43	3.89	92	Xuất sắc	BC-TT
75	2356060045	VŨ THỊ THUỶ TRANG	QPTH K43	3.86	95.5	Xuất sắc	BC-TT
76	2356060027	LÊ KHÁNH LY	QPTH K43	3.85	90	Xuất sắc	BC-TT
77	2551040046	NGUYỄN BÁ SƠN	TTĐPT K45 A1	3.67	92.5	Xuất sắc	BC-TT
78	2356080023	HOÀNG DIỆU LINH	Truyền hình CLC K43	4.0	93.5	Xuất sắc	BC-TT
79	2356080003	LẠI ĐỖ QUỲNH ANH	Truyền hình CLC K43	4.0	90	Xuất sắc	BC-TT
80	2356080016	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	Truyền hình CLC K43	4.0	90	Xuất sắc	BC-TT
81	2356090024	NGUYỄN KHÁNH LINH	MĐT CLC K43	4.0	98.5	Xuất sắc	BC-TT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
82	2356090048	TRẦN THỊ THUÝ VÂN	MĐT CLC K43	4.0	98	Xuất sắc	BC-TT
83	2356090038	NGUYỄN TRẦN NHƯ QUỲNH	MĐT CLC K43	4.0	98	Xuất sắc	BC-TT
84	2356090017	NGUYỄN THUÝ HIỀN	MĐT CLC K43	4.0	98	Xuất sắc	BC-TT
85	2356030036	TRẦN MINH QUÂN	ANH_K43	3.85	97.5	Xuất sắc	BC-TT
86	2356030040	NGUYỄN MINH THƯ	ANH_K43	3.84	98	Xuất sắc	BC-TT
87	2356030038	NGUYỄN THỊ TÂM	ANH_K43	3.82	93.5	Xuất sắc	BC-TT
88	2456070076	VĂN THỊ MINH HIỀN	MĐT_K44A2	3.66	92	Xuất sắc	BC-TT
89	2456070078	NGUYỄN ĐỨC ANH HUY	MĐT_K44A2	3.66	91	Xuất sắc	BC-TT
90	2456070081	TRỊNH THỊ HƯƠNG	MĐT_K44A2	3.64	90.5	Xuất sắc	BC-TT
91	2358010045	TRẦN NGỌC HƯƠNG THẢO	BTXB K43	3.79	90	Xuất sắc	Xuất bản
92	2358010018	NGUYỄN CAO BẢO KHANH	BTXB K43	3.70	90	Xuất sắc	Xuất bản
93	2358010027	LÊ THỊ HUYỀN LƯƠNG	BTXB K43	3.61	91.5	Xuất sắc	Xuất bản
94	2358020023	LÊ THỊ HUYỀN MAI	XBĐT K43	3.74	90	Xuất sắc	Xuất bản
95	2358020039	NGUYỄN NGỌC SƯƠNG	XBĐT K43	3.7	93.5	Xuất sắc	Xuất bản
96	2358020006	ĐẶNG LINH CHI	XBĐT K43	3.6	92.75	Xuất sắc	Xuất bản
97	2358020030	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	XBĐT K43	3.66	91	Xuất sắc	Xuất bản
98	2458020050	ĐÀO THỊ HUYỀN TRANG	XBĐT K44	3.66	91.0	Xuất sắc	Xuất bản
99	2458010054	LÊ PHÚ SỸ	BTXB K44	3.81	93.5	Xuất sắc	Xuất bản
100	2458010041	ĐỖ MINH NGỌC	BTXB K44	3.69	95	Xuất sắc	Xuất bản
101	2351010032	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	CTXH_K43	4.0	90	Xuất sắc	XHH&PT
102	2351010020	SÙNG VIỆN HUỆ	CTXH_K43	3.96	91.5	Xuất sắc	XHH&PT
103	2353010009	PHẠM KIM ANH	XHH_K43	3.91	92.25	Xuất sắc	XHH&PT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
104	2453010038	NGUYỄN TRANG NHUNG	XHH_K44	3.90	92	Xuất sắc	XHHPT
105	2453010067	TRẦN HẢI YẾN	XHH_K44	3.85	93	Xuất sắc	XHHPT
106	2453010013	BÙI NGÂN HÀ	XHH_K44	3.65	90	Xuất sắc	XHHPT
107	2451020020	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	KTCT_K44	3.7	90.25	Xuất sắc	KTCT
108	2556160026	ĐÀO PHƯƠNG LINH	TTMKT A1K45	3.79	91.5	Xuất sắc	QHCC&QC
109	2556160014	NGUYỄN THỊ NHẬT DIỆU	TTMKT A1K45	3.84	90.5	Xuất sắc	QHCC&QC
110	2556160021	VŨ THÚY HIỀN	TTMKT A1K45	3.84	91.5	Xuất sắc	QHCC&QC
111	2556150009	NGUYỄN LÊ GIA BÁCH	QHCC K45	3.96	92.5	Xuất sắc	QHCC&QC
112	2356160079	PHẠM DIỄM QUỲNH	TTMKT A2K43	4.0	90.25	Xuất sắc	QHCC&QC
113	2356150035	TRẦN THỊ PHƯƠNG LY	QHCC K43	4.0	95.5	Xuất sắc	QHCC&QC
114	2356150011	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	QHCC K43	3.91	90.5	Xuất sắc	QHCC&QC
115	2456150030	TRƯƠNG LÊ ĐÌNH MẠNH	QHCC K44	3.86	90	Xuất sắc	QHCC&QC
116	2456150023	MAI THỊ NGỌC LINH	QHCC K44	3.69	91	Xuất sắc	QHCC&QC
117	2456160089	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TTMKT_K44_A2	3.72	92	Xuất sắc	QHCC&QC
118	2456160035	NGUYỄN THẢO NGÂN	TTMKT_K44_A1	3.94	90.25	Xuất sắc	QHCC&QC
119	2456160024	LÊ MAI HƯƠNG	TTMKT_K44_A1	3.73	91	Xuất sắc	QHCC&QC
120	2556160050	BÙI HOÀNG MAI ANH	TTMKT_K45_A2	3.70	92	Xuất sắc	QHCC&QC
121	2356160041	NGUYỄN HÀ TRANG	TTMKT K43 A1	3.96	91	Xuất sắc	QHCC&QC
122	2356160080	NGUYỄN ANH THÁI	TTMKT K43 A1	3.91	92	Xuất sắc	QHCC&QC
123	2356160020	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	TTMKT K43 A1	3.9	92	Xuất sắc	QHCC&QC
124	2356160022	LÊ THANH LAN	TTMKT K43 A1	3.9	91.5	Xuất sắc	QHCC&QC
125	2351100048	PHẠM THỊ THU TRANG	QC K43	4.0	91.25	Xuất sắc	QHCC&QC

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
126	2351100013	THÁI VIỆT DŨNG	QC K43	4.0	94.75	Xuất sắc	QHCC&QC
127	2451100027	NGUYỄN QUỐC NGHĨA	QC_K44	3.91	95.5	Xuất sắc	QHCC&QC
128	2451100046	TRẦN PHI VŨ	QC_K44	3.75	93.5	Xuất sắc	QHCC&QC
129	2451100020	NGUYỄN KHÁNH LINH	QC_K44	3.75	92.5	Xuất sắc	QHCC&QC
130	2451100006	TRẦN HUYỀN ANH	QC_K44	3.74	92.5	Xuất sắc	QHCC&QC
131	2356140003	LÊ TRÚC ANH	QHQT&TTTC 43	3.95	91	Xuất sắc	QHQT
132	2356140005	NGÔ TRÀ ANH	QHQT&TTTC 43	3.91	94	Xuất sắc	QHQT
133	2356100044	VŨ THỊ BÍCH NHẬT	TTĐN K43	3.78	93.5	Xuất sắc	QHQT
134	2356100017	PHẠM MINH CHÂU	TTĐN K43	3.77	92	Xuất sắc	QHQT
135	2356110025	HỒ GIA KHÁNH LINH	QHCT&TTQT K43	3.92	93.5	Xuất sắc	QHQT
136	2356110018	ĐÌNH THANH HƯƠNG	QHCT&TTQT K43	3.79	94.3	Xuất sắc	QHQT
137	2556140010	NGUYỄN TÚ ANH	QHQT&TTTC K45	3.80	93	Xuất sắc	QHQT
138	2456100050	HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	TTĐN_K44	3.81	92.5	Xuất sắc	QHQT
139	2456110019	PHẠM THỊ THU HIỀN	QHCT&TTQT K44	3.92	90.5	Xuất sắc	QHQT
140	2456110040	ĐÀO THỊ NGỌC	QHCT&TTQT K44	3.86	95	Xuất sắc	QHQT
141	2456110012	NGUYỄN TRẦN CHÂU	QHCT&TTQT K44	3.81	91.5	Xuất sắc	QHQT
142	2456110036	TRẦN TUẤN MINH	QHCT&TTQT K44	3.78	95	Xuất sắc	QHQT
143	2456110032	LÊ XUÂN LỘC	QHCT&TTQT K44	3.76	95.5	Xuất sắc	QHQT
144	2451070030	VŨ THIÊN HƯƠNG	TTQT K44	3.89	90	Xuất sắc	QHQT
145	2451070008	NGUYỄN THÁI BẢO	TTQT K44	3.82	90.5	Xuất sắc	QHQT
146	2351070014	NGÔ XUÂN ĐỨC	TTQT K43	3.87	95	Xuất sắc	QHQT
147	2351070043	HOÀNG LÊ THẢO	TTQT K43	3.87	93	Xuất sắc	QHQT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
148	2351070017	PHẠM THỊ NGỌC HÂN	TTQT K43	3.83	95	Xuất sắc	QHQT
149	2355300003	ĐỖ DƯƠNG TÚ ANH	QLHĐTT-VH K43	3.95	91.5	Xuất sắc	TT
150	2355380014	ĐẶNG ÁNH DƯƠNG	TTCS K43	3.9	93.5	Xuất sắc	TT
151	2355380016	TẠ THỊ THÙY DƯƠNG	TTCS K43	3.92	91	Xuất sắc	TT
152	2355380023	VŨ MINH HIẾU	TTCS K43	3.96	92.3	Xuất sắc	TT
153	2355380043	VŨ THỊ NGÂN	TTCS K43	3.83	94	Xuất sắc	TT
154	2355380052	LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	TTCS K43	3.88	95	Xuất sắc	TT
155	2455380012	VÕ HƯƠNG GIANG	TTCS K44	3.86	96	Xuất sắc	TT
156	2455380014	NGUYỄN HOÀNG HẢI	TTCS K44	3.82	93	Xuất sắc	TT
157	2455380043	NGUYỄN XUÂN SANG	TTCS K44	3.71	91	Xuất sắc	TT
158	2455300041	CHU QUỐC PHONG	CTTTVH K44 A1	3.83	93.5	Xuất sắc	TT
159	2455300059	ĐỖ THỊ THẢO VÂN	CTTTVH K44 A1	3.68	91.75	Xuất sắc	TT
160	2455300018	TRẦN THỊ THU HÀ	CTTTVH K44 A1	3.61	91	Xuất sắc	TT
161	2355350014	TRẦN VIỆT HỌC	VHPT K43	4.0	95.5	Xuất sắc	TT
162	2355350018	NGUYỄN NGỌC KHƯƠNG	VHPT K43	4.0	95.5	Xuất sắc	TT
163	2355350010	BÙI ĐỨC GIANG	VHPT K43	3.96	92	Xuất sắc	TT
164	2355350007	HUYỀN NGỌC THÙY DUNG	VHPT K43	3.93	95.5	Xuất sắc	TT
165	2355350021	LÃNG THÙY LINH	VHPT K43	3.92	95.5	Xuất sắc	TT
166	2555300058	NGUYỄN VŨ ANH	CTTT-VH K45A2	3.81	95	Xuất sắc	TT
167	2355370020	LÃ THỊ NGỌC KHÁNH	QLHCNN_K43	4.0	90	Xuất sắc	NNPL
168	2355320040	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	QLXH K43	3.92	91	Xuất sắc	NNPL
169	2452020015	TÓNG THÀNH ĐẠT	XĐĐ&CQNN K44A1	3.94	94	Xuất sắc	XĐĐ

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
170	2452020046	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG THẢO	XDD&CQNN K44A1	3.66	93	Xuất sắc	XDD
171	2452020054	ĐINH TỔ THẢO VY	XDD&CQNN K44A1	3.66	94	Xuất sắc	XDD
172	2452020073	PHẠM THU HẰNG	XDD&CQNN K44A2	3.64	94	Xuất sắc	XDD
173	2452020072	CAO TIẾN HẢI	XDD&CQNN K44A2	3.63	93	Xuất sắc	XDD
174	2352020021	NGUYỄN BÙI TRANG LINH	XDD&CQNN K43A1	3.96	94.5	Xuất sắc	XDD
175	2352020038	PHAN TUẤN THÀNH	XDD&CQNN K43A1	3.91	94.25	Xuất sắc	XDD
176	2352020072	PHẠM NGỌC MAI	XDD&CQNN K43A2	3.92	93	Xuất sắc	XDD
177	2352020081	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	XDD&CQNN K43A2	3.87	94	Xuất sắc	XDD
178	2352020055	LÊ VIỆT CHUNG	XDD&CQNN K43A2	3.87	90	Xuất sắc	XDD
179	2552020013	VŨ HOÀNG DUY	XDD&CQNN K45A1	3.68	91.5	Xuất sắc	XDD
180	2552020008	NGUYỄN THANH BÌNH	XDD&CQNN K45A1	3.74	94	Xuất sắc	XDD
181	2350010018	NGUYỄN PHẠM BẢO MINH	TRIET_K43	4.0	95.5	Xuất sắc	TRIẾT HỌC
182	2350010002	BÙI VÂN CẨM	TRIET_K43	3.96	95.5	Xuất sắc	TRIẾT HỌC
183	2350010025	NGUYỄN HỒNG NHUNG	TRIET_K43	3.96	91.5	Xuất sắc	TRIẾT HỌC
184	2350080005	DƯƠNG NGỌC THÙY CHÂU	CNXHKH K43	3.92	99	Xuất sắc	CNXHKH
185	2350080004	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	CNXHKH K43	3.78	99	Xuất sắc	CNXHKH
186	2550080041	TRẦN ANH THƯ	CNXHKH_K45	3.75	93	Xuất sắc	CNXHKH
187	2450080007	ĐẶNG KHÁNH DUNG	CNXHKH_K44	3.77	96	Xuất sắc	CNXHKH
188	2555330028	PHẠM HOÀNG BẢO NGỌC	TTHCM K45	3.71	90	Xuất sắc	TTHCM
189	2355330041	NHÂM TIẾN THÀNH	TTHCM_K43	3.97	93	Xuất sắc	TTHCM
190	2355330004	LÊ TÚ ANH	TTHCM_K43	3.91	94.5	Xuất sắc	TTHCM
191	2355330023	ĐẶNG KHÁNH LINH	TTHCM_K43	3.87	93	Xuất sắc	TTHCM

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
192	2450100002	ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	LSD_K44	3.75	94.25	Xuất sắc	LSD
193	2450100003	HÀ PHƯƠNG ANH	LSD_K44	3.71	92.75	Xuất sắc	LSD
194	2350100025	LÊ ĐỖ KIM OANH	LSD_K43	3.9	96.25	Xuất sắc	LSD
195	2350100035	LƯƠNG ANH THƠ	LSD_K43	3.84	96.25	Xuất sắc	LSD
196	2350100022	NGUYỄN THỊ CẨM LY	LSD_K43	3.85	95.25	Xuất sắc	LSD
197	2352010031	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	NNA K43	3.68	94	Xuất sắc	NN

II. Sinh viên đạt thành tích Giỏi (337)

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
1	2454030060	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	QLC K44 A2	3.74	87	Giỏi	CTH
2	2454030093	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	QLC K44 A2	3.77	81	Giỏi	CTH
3	2555310008	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	CTPT K45	3.5	95	Giỏi	CTH
4	2555310038	LÊ PHƯƠNG THẢO	CTPT K45	3.21	95.75	Giỏi	CTH
5	2555310034	VŨ MINH PHƯƠNG	CTPT K45	3.21	87	Giỏi	CTH
6	2355310040	BÙI THU PHƯƠNG	CTPT K43	3.83	83	Giỏi	CTH
7	2455310016	NGUYỄN THỊ TRÀ GIANG	CTPT_K44	3.9	83.5	Giỏi	CTH
8	2455310020	BÊ THỊ HUẾ	CTPT_K44	3.66	82.5	Giỏi	CTH
9	2455310019	ĐỖ PHƯƠNG HÒA	CTPT_K44	3.61	87.5	Giỏi	CTH
10	2455310032	VŨ LÊ MINH LÝ	CTPT_K44	3.4	82.5	Giỏi	CTH
11	2355360041	TÀO THỊ THẢO	CSC_K43	3.86	81.5	Giỏi	CTH
12	2355360044	NGUYỄN THU THỦY	CSC_K43	3.84	84.3	Giỏi	CTH
13	2454030037	CHU THỊ THANH THẢO	QLC_K44A1	3.79	80	Giỏi	CTH

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
14	2454030005	NGUYỄN NGỌC NHƯ ANH	QLC_K44A1	3.76	89	Giỏi	CTH
15	2454030041	PHÙNG MINH THỨC	QLC_K44A1	3.72	85	Giỏi	CTH
16	2554030025	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	QLCK45_A1	3.26	98.75	Giỏi	CTH
17	2554030008	ĐOÀI THỊ THANH BÌNH	QLCK45_A1	3.48	81.75	Giỏi	CTH
18	2554030060	ĐOÀN PHƯƠNG HUYỀN	QLC_K45A2	3.41	81	Giỏi	CTH
19	2554030079	TRỊNH THU THẢO	QLC_K45A2	3.36	82	Giỏi	CTH
20	2554030087	ĐINH NHƯ TRƯỜNG	QLC_K45A2	3.28	88	Giỏi	CTH
21	2551040099	ĐỖ ĐỨC QUANG	TTĐPT_K45A2	3.77	82.5	Giỏi	BC-TT
22	2551040069	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	TTĐPT_K45A2	3.75	83.5	Giỏi	BC-TT
23	2551040065	VÕ PHAN NGỌC BẢO	TTĐPT_K45A2	3.73	85.5	Giỏi	BC-TT
24	2556060027	PHAN THẢO NGÂN	QUAYPHIM_K45	3.66	84	Giỏi	BC-TT
25	2556060029	TĂNG LONG NHẬT	QUAYPHIM_K45	3.57	80.5	Giỏi	BC-TT
26	2556070028	VŨ HẢI LONG	MĐT_K45A1	3.70	84.8	Giỏi	BC-TT
27	2556070015	QUÁCH HƯƠNG GIANG	MĐT_K45A1	3.66	83.5	Giỏi	BC-TT
28	2556070044	LÊ LINH TRANG	MĐT_K45A1	3.57	84.8	Giỏi	BC-TT
29	2556070008	TRẦN NGỌC ANH	MĐT_K45A1	3.57	82.5	Giỏi	BC-TT
30	2456050003	NGUYỄN NGỌC ANH	TRUYENHINH_K44A1	3.84	84.5	Giỏi	BC-TT
31	2456050034	NGUYỄN THỊ THANH MAI	TRUYENHINH_K44A1	3.77	80.5	Giỏi	BC-TT
32	2456050035	LÊ TRÀ MI	TRUYENHINH_K44A1	3.74	82.5	Giỏi	BC-TT
33	2451040075	VŨ THANH HUYỀN	TTĐPT_K44A2	3.72	80.5	Giỏi	BC-TT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
34	2451040092	VŨ THỊ HỒNG NGÀ	TTĐPT_K44A2	3.72	81.5	Giỏi	BC-TT
35	2451040081	LÊ NGỌC LINH	TTĐPT_K44A2	3.54	89	Giỏi	BC-TT
36	2456040030	NGUYỄN BÍCH LY	PHATTHANH_K44	3.74	81	Giỏi	BC-TT
37	2456040052	NGUYỄN THỊ THU	PHATTHANH_K44	3.71	81	Giỏi	BC-TT
38	2456040051	TRẦN PHƯƠNG THẢO	PHATTHANH_K44	3.67	81	Giỏi	BC-TT
39	2456040008	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	PHATTHANH_K44	3.58	95	Giỏi	BC-TT
40	2456040048	NGUYỄN THỊ HOÀI THANH	PHATTHANH_K44	3.52	94	Giỏi	BC-TT
41	2456020030	NGUYỄN HUỆ PHƯƠNG	BAOIN_K44	3.76	89	Giỏi	BC-TT
42	2456020005	LẠI THỊ DUYÊN	BAOIN_K44	3.76	88	Giỏi	BC-TT
43	2456020042	DƯƠNG MAI TRANG	BAOIN_K44	3.71	89.75	Giỏi	BC-TT
44	2556020018	VÕ TƯỚNG QUANG HUY	Báo In K45	3.73	86	Giỏi	BC-TT
45	2556020006	NGUYỄN THỊ VÂN ÁNH	Báo In K45	3.55	80.5	Giỏi	BC-TT
46	2351050084	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	TTĐC_K43A2	3.93	83	Giỏi	BC-TT
47	2351050098	HOÀNG HẢI MY	TTĐC_K43A2	3.92	82.5	Giỏi	BC-TT
48	2351050072	ĐẶNG THỊ HUYỀN DIU	TTĐC_K43A2	3.92	81	Giỏi	BC-TT
49	2556040041	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	PHATTHANH_K45	3.61	82.75	Giỏi	BC-TT
50	2556040031	HOÀNG KHÔI NGUYỄN	PHATTHANH_K45	3.77	80	Giỏi	BC-TT
51	2551050037	PHẠM HỒNG NGỌC	TTĐC_K45A1	3.93	82.25	Giỏi	BC-TT
52	2551050022	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	TTĐC_K45A1	3.89	80.25	Giỏi	BC-TT
53	2551050050	NGUYỄN THỊ ANH THU'	TTĐC_K45A1	3.82	85.75	Giỏi	BC-TT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
54	2551050028	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	TTĐC_K45A1	3.82	80.25	Giỏi	BC-TT
55	2356070054	VĂN NGỌC HÀ VY	MĐT_K43	3.93	82	Giỏi	BC-TT
56	2556070098	PHẠM THU TRANG	MĐT_K45A2	3.66	87	Giỏi	BC-TT
57	2556070069	PHẠM MINH HẰNG	MĐT_K45A2	3.63	80	Giỏi	BC-TT
58	2556070097	NGUYỄN TRẦN QUỲNH TRANG	MĐT_K45A2	3.54	86	Giỏi	BC-TT
59	2556070084	VŨ BẢO NGÂN	MĐT_K45A2	3.52	84	Giỏi	BC-TT
60	2556030039	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	ANH_K45	3.91	86.75	Giỏi	BC-TT
61	2556030033	PHẠM NGUYỄN HỒNG NGỌC	ANH_K45	3.66	89.5	Giỏi	BC-TT
62	2556030023	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	ANH_K45	3.52	86.75	Giỏi	BC-TT
63	2451040156	PHƯƠNG THỊ THANH THUỶ	TTĐPT K44 A3	3.77	80	Giỏi	BC-TT
64	2451040151	ĐẶNG THÙY PHƯƠNG	TTĐPT K44 A3	3.63	88.5	Giỏi	BC-TT
65	2556050101	NGUYỄN DANH MAI TRANG	TRUYENHINH_K454A2	3.89	86	Giỏi	BC-TT
66	2556050067	NGUYỄN THUỶ DƯƠNG	TRUYENHINH_K454A2	3.66	82	Giỏi	BC-TT
67	2556050090	ĐỖ THU PHƯƠNG	TRUYENHINH_K454A2	3.61	80.5	Giỏi	BC-TT
68	2556050078	NGUYỄN KHÁNH LINH	TRUYENHINH_K454A2	3.59	82.25	Giỏi	BC-TT
69	2556050029	NGUYỄN NGỌC MAI	TRUYENHINH K45_A1	3.73	86	Giỏi	BC-TT
70	2556050024	ĐÀO BẢO LINH	TRUYENHINH K45_A1	3.73	84	Giỏi	BC-TT
71	2551050058	HOÀNG THỊ MỸ ANH	TTĐC K45A2	3.66	86	Giỏi	BC-TT
72	2551050085	TRẦN VIỆT LONG	TTĐC K45A2	3.57	81.2	Giỏi	BC-TT
73	2456050096	NGUYỄN THU PHƯƠNG	TRUYENHINH_K44A2	3.74	80.3	Giỏi	BC-TT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
74	2456070023	VŨ THỊ QUỲNH HƯƠNG	MĐTK44_A1	3.71	81	Giỏi	BC-TT
75	2456070051	LƯU THANH THẢO	MĐTK44_A1	3.71	80	Giỏi	BC-TT
76	2356020042	PHẠM THÙY THANH	BAOIN_K43	4.0	89	Giỏi	BC-TT
77	2356020050	BÙI THỊ THANH TRANG	BAOIN_K43	4.0	88.5	Giỏi	BC-TT
78	2351040003	ĐÀO MINH ANH	TTĐPT_K43	3.93	83	Giỏi	BC-TT
79	2351040040	NGUYỄN BÙI MAI PHƯƠNG	TTĐPT_K43	3.93	84	Giỏi	BC-TT
80	2351040043	VŨ THU PHƯƠNG	TTĐPT_K43	3.93	83	Giỏi	BC-TT
81	2451050093	PHẠM HẢI NGÀ	TTĐC_K44A2	3.62	81	Giỏi	BC-TT
82	2451050098	TRẦN THỊ KHÁNH PHƯƠNG	TTĐC_K44A2	3.59	84	Giỏi	BC-TT
83	2451050068	BÙI YẾN CHI	TTĐC_K44A2	3.57	85	Giỏi	BC-TT
84	2456060046	NGUYỄN BẢO YẾN	QPTH K44	3.61	81.75	Giỏi	BC-TT
85	2456060045	NGUYỄN THỊ TRÚC UYÊN	QPTH K44	3.54	80	Giỏi	BC-TT
86	2451050010	NGUYỄN NGÂN BÌNH	TTĐC_K44A1	3.73	87.25	Giỏi	BC-TT
87	2451050006	TRẦN NGỌC ANH	TTĐC_K44A1	3.7	80	Giỏi	BC-TT
88	2451050027	LÊ HÀ LINH	TTĐC_K44A1	3.63	80	Giỏi	BC-TT
89	2451050001	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	TTĐC_K44A1	3.54	84.25	Giỏi	BC-TT
90	2456030010	NGUYỄN NGỌC HÀ	ANH_K44	3.74	83	Giỏi	BC-TT
91	2456030029	LÊ XUÂN MAI	ANH_K44	3.72	81.5	Giỏi	BC-TT
92	2356060026	NGUYỄN PHI NHẬT LONG	QPTH K43	3.93	83	Giỏi	BC-TT
93	2356060028	HOÀNG KHÁNH LY	QPTH K43	3.86	85	Giỏi	BC-TT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
94	2551040127	NGUYỄN THỊ MINH HẠNH	TTĐPT_K45A3	3.71	81.75	Giỏi	BC-TT
95	2551040143	TRẦN PHAN CHÂU MINH	TTĐPT_K45A3	3.7	83.5	Giỏi	BC-TT
96	2551040154	TRẦN TRÚC QUỲNH	TTĐPT_K45A3	3.69	85.75	Giỏi	BC-TT
97	2551040156	ĐỖ VŨ THANH THẢO	TTĐPT_K45A3	3.67	81	Giỏi	BC-TT
98	2551040157	ĐINH THỊ ANH THU	TTĐPT_K45A3	3.67	83	Giỏi	BC-TT
99	2551040041	NGUYỄN LÊ UYÊN NHI	TTĐPT K45 A1	3.67	84.5	Giỏi	BC-TT
100	2551040052	NGUYỄN THU TRANG	TTĐPT K45 A1	3.87	80.75	Giỏi	BC-TT
101	2551040047	LƯU PHƯƠNG THẢO	TTĐPT K45 A1	3.67	80.5	Giỏi	BC-TT
102	2356080007	TRẦN HÀ AN	Truyền hình CLC K43	4.0	84.5	Giỏi	BC-TT
103	2356030004	NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH	ANH_K43	3.85	84	Giỏi	BC-TT
104	2356030013	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	ANH_K43	3.81	88	Giỏi	BC-TT
105	2456070102	ĐỖ THU PHƯƠNG	MĐT_K44A2	3.69	81.5	Giỏi	BC-TT
106	2456070071	TRỊNH THỊ GẮM	MĐT_K44A2	3.67	84.5	Giỏi	BC-TT
107	2451040004	LÊ NGUYỄN KHẢ ANH	TTĐPT K44A1	3.75	84.8	Giỏi	BC-TT
108	2451040015	PHAN LÊ HÀ GIANG	TTĐPT K44A1	3.65	81	Giỏi	BC-TT
109	2451040027	LÊ THÙY LINH	TTĐPT K44A1	3.58	83	Giỏi	BC-TT
110	2451040034	DIÊM THỊ QUỲNH LY	TTĐPT K44A1	3.58	90.8	Giỏi	BC-TT
111	2451040014	TRẦN NGỌC ĐỨC	TTĐPT K44A1	3.56	80	Giỏi	BC-TT
112	2358010030	ĐỖ QUỲNH NGÀ	BTXB K43	3.76	82	Giỏi	Xuất bản
113	2358010061	VÕ HÀ VY	BTXB K43	3.72	81	Giỏi	Xuất bản

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
114	2358020018	ĐẶNG KHÁNH LINH	XBĐT K43	3.61	84.75	Giỏi	Xuất bản
115	2458020015	NGUYỄN THỊ HẠNH	XBĐT K44	3.53	90.75	Giỏi	Xuất bản
116	2458020019	HOÀNG THỊ NGỌC HOÀI	XBĐT K44	3.50	87.3	Giỏi	Xuất bản
117	2458020029	NGUYỄN THỊ LINH NGÂN	XBĐT K44	3.40	89.9	Giỏi	Xuất bản
118	2458020005	NÔNG THỊ MINH ANH	XBĐT K44	3.38	92.5	Giỏi	Xuất bản
119	2458010045	NGUYỄN THU THẢO NGUYỄN	BTXB K44	3.74	88.5	Giỏi	Xuất bản
120	2458010039	NGUYỄN KIM NGÂN	BTXB K44	3.65	80.75	Giỏi	Xuất bản
121	2458010022	NGUY THỊ THANH HƯƠNG	BTXB K44	3.62	89	Giỏi	Xuất bản
122	2458010017	ĐÀO THỊ HẰNG	BTXB K44	3.6	82.5	Giỏi	Xuất bản
123	2558020028	NGUYỄN THẢO LINH	XBĐT K45	3.56	80	Giỏi	Xuất bản
124	2558020052	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	XBĐT K45	3.31	81	Giỏi	Xuất bản
125	2558020014	PHẠM GIA HÂN	XBĐT K45	3.5	83.75	Giỏi	Xuất bản
126	2558020038	LÊ THU NGÂN	XBĐT K45	3.5	81	Giỏi	Xuất bản
127	2558020056	NGUYỄN PHI YẾN	XBĐT K45	3.44	80.5	Giỏi	Xuất bản
128	2558010014	NGUYỄN THU HÀ	BTXB K45	3.31	88.5	Giỏi	Xuất bản
129	2558010026	LƯU THÙY LINH	BTXB K45	3.29	87.25	Giỏi	Xuất bản
130	2558010044	TRỊNH THỊ HỒNG QUYÊN	BTXB K45	3.25	86.75	Giỏi	Xuất bản
131	2551010031	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	CTXH_K45	3.86	85.5	Giỏi	XHH&PT
132	2351010052	TRẦN YẾN VY	CTXH_K43	3.94	82.25	Giỏi	XHH&PT
133	2351010026	HÀ NGUYỆT NGA	CTXH_K43	3.96	84.25	Giỏi	XHH&PT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
134	2351010033	LÝ ĐẶNG HÀ QUYÊN	CTXH_K43	3.95	85.5	Giỏi	XHH&PT
135	2553010041	NGÔ THỊ THƯƠNG	XHH_K45	3.72	80	Giỏi	XHH&PT
136	2553010006	HOÀNG NGỌC ÁNH	XHH_K45	3.28	81.75	Giỏi	XHH&PT
137	2553010034	LÊ TRƯỜNG PHƯỚC	XHH_K45	3.28	80	Giỏi	XHH&PT
138	2353010001	HUỖNH NGUYỄN HOÀI AN	XHH_K43	3.9	80	Giỏi	XHH&PT
139	2353010014	DƯƠNG ANH ĐÀO	XHH_K43	3.89	83	Giỏi	XHH&PT
140	2353010052	NGUYỄN THU TRANG	XHH_K43	3.89	81.5	Giỏi	XHH&PT
141	2353010022	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	XHH_K43	3.88	88.75	Giỏi	XHH&PT
142	2453010026	LA THỊ THÚY MAI	XHH_K44	3.70	82	Giỏi	XHH&PT
143	2453010040	HUỖNH NGỌC PHI PHỤNG	XHH_K44	3.59	82	Giỏi	XHH&PT
144	2451010004	LƯU THỊ VÂN ANH	CTXH_K44	3.68	89	Giỏi	XHH&PT
145	2451010017	GIANG THỊ HUỖNG	CTXH_K44	3.77	83	Giỏi	XHH&PT
146	2451010015	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	CTXH_K44	3.58	81	Giỏi	XHH&PT
147	2451010019	BÙI THỊ LAN	CTXH_K44	3.68	84.5	Giỏi	XHH&PT
148	2355290012	NGUYỄN THỊ HẠNH	KT&QL_K43	3.55	89	Giỏi	KTCT
149	2355290036	TRẦN THU PHƯƠNG	KT&QL_K43	3.54	84.5	Giỏi	KTCT
150	2355290034	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	KT&QL_K43	3.7	80.5	Giỏi	KTCT
151	2355290016	BÙI THANH HƯƠNG	KT&QL_K43	3.43	82.5	Giỏi	KTCT
152	2351020006	NGUYỄN NGỌC ÁNH	KTCT_K43	4.0	80.75	Giỏi	KTCT
153	2351020004	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	KTCT_K43	3.84	80.25	Giỏi	KTCT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
154	2351020044	CHU THỊ THỦY	KTCT_K43	3.84	80.25	Giỏi	KTCT
155	2451020034	PHAN HỒNG NHUNG	KTCT_K44	3.43	80.5	Giỏi	KTCT
156	2451020040	LÊ PHƯƠNG THẢO	KTCT_K44	3.21	86.5	Giỏi	KTCT
157	2451020049	NGUYỄN THỊ TRANG	KTCT_K44	3.79	80	Giỏi	KTCT
158	2355270018	NGUYỄN THỊ HẬU	QLKT K43	3.91	88	Giỏi	KTCT
159	2355270021	ĐỖ THỊ MINH HOÀ	QLKT K43	3.53	83	Giỏi	KTCT
160	2355270038	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	QLKT K43	3.57	82.75	Giỏi	KTCT
161	2355270046	PHẠM THỊ THƯƠNG	QLKT K43	3.79	86	Giỏi	KTCT
162	2355270056	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	QLKT K43	3.73	81.5	Giỏi	KTCT
163	2355280010	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	QLKT CLC K43	3.82	89	Giỏi	KTCT
164	2355280032	PHAN THỊ HỒNG NGỌC	QLKT CLC K43	3.37	83	Giỏi	KTCT
165	2355280040	PHẠM THỊ THANH TÂM	QLKT CLC K43	3.57	82	Giỏi	KTCT
166	2455270062	LÊ HOÀNG BÁCH	QLKT K44 A2	3.63	84	Giỏi	KTCT
167	2455270067	PHẠM VĂN ĐẠT	QLKT K44 A2	3.54	80.5	Giỏi	KTCT
168	2455270095	ĐOÀN THỊ THẢO	QLKT K44 A2	3.46	81.25	Giỏi	KTCT
169	2555270148	MẠC DUY THẮNG	QLKT K45 A3	3.52	84.75	Giỏi	KTCT
170	2555270151	NGUYỄN ĐOÀN ANH THU	QLKT K45 A3	3.45	81.25	Giỏi	KTCT
171	2555270008	VŨ THỊ NGỌC ÁNH	QLKT K45A1	3.54	85.5	Giỏi	KTCT
172	2555270038	ĐÀM THU PHƯƠNG	QLKT K45A1	3.43	83	Giỏi	KTCT
173	2555270022	VŨ MAI KHANH	QLKT K45A1	3.34	82.5	Giỏi	KTCT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
174	2555270005	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	QLKT K45A1	3.38	82.5	Giỏi	KTCT
175	2555270080	PHẠM KHÁNH LINH	QLKT K45A2	3.63	86	Giỏi	KTCT
176	2555270092	MẠC PHƯƠNG QUỲNH	QLKT K45A2	3.71	81.5	Giỏi	KTCT
177	2555270072	TRẦN THỊ HIỀN	QLKT K45A2	3.30	81.5	Giỏi	KTCT
178	2555270065	NGUYỄN HƯƠNG DỊU	QLKT K45A2	3.52	80.5	Giỏi	KTCT
179	2551020004	HOÀNG LÊ QUỲNH ANH	KTCT K45	3.32	91.5	Giỏi	KTCT
180	2551020028	NGUYỄN TRANG LINH	KTCT K45	3.23	81	Giỏi	KTCT
181	2455270002	BÙI THU HÀ ANH	QLKT K44 A1	3.6	86	Giỏi	KTCT
182	2455270008	BÙI THIÊN ÂN	QLKT K44 A1	3.59	85.5	Giỏi	KTCT
183	2455270020	LÊ THỊ NGỌC HUYỀN	QLKT K44 A1	3.6	85.75	Giỏi	KTCT
184	2455270032	ĐINH THỊ THUỶ NGÂN	QLKT K44 A1	3.57	82	Giỏi	KTCT
185	2455270045	ĐOÀN MINH THƯ	QLKT K44 A1	3.56	84	Giỏi	KTCT
186	2455270109	BÙI PHƯƠNG ANH	QLKT K44 A3	3.61	80	Giỏi	KTCT
187	2455270119	HOÀNG ÁNH DƯƠNG	QLKT K44 A3	3.49	85.25	Giỏi	KTCT
188	2455270120	NGUYỄN TÂM ĐAN	QLKT K44 A3	3.65	82.5	Giỏi	KTCT
189	2455270125	BÙI THỊ THANH HUỆ	QLKT K44 A3	3.26	85.75	Giỏi	KTCT
190	2556160016	VŨ QUANG DUY	TTMKT A1K45	3.72	82.25	Giỏi	QHCC&QC
191	2556150046	PHẠM HOÀNG UYÊN NHI	QHCC K45	3.59	83.5	Giỏi	QHCC&QC
192	2356160081	PHẠM MINH THẢO	TTMKT A2K43	3.96	87	Giỏi	QHCC&QC
193	2356160053	VÕ HUYỀN ANH	TTMKT A2K43	4.0	86.5	Giỏi	QHCC&QC

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
194	2356160048	NGUYỄN HẢI ANH	TTMKT A2K43	4.0	81.5	Giỏi	QHCC&QC
195	2356150047	LÊ PHƯƠNG THẢO	QHCC K43	4.0	87	Giỏi	QHCC&QC
196	2356150009	TRẦN NGỌC BẢO CHÂU	QHCC K43	4.0	83.75	Giỏi	QHCC&QC
197	2356150006	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	QHCC K43	3.96	87.5	Giỏi	QHCC&QC
198	2456150029	PHẠM NGUYỄN HƯƠNG LY	QHCC K44	3.72	84	Giỏi	QHCC&QC
199	2456150057	NGUYỄN THỊ HÀ VY	QHCC K44	3.68	82.5	Giỏi	QHCC&QC
200	2456150047	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	QHCC K44	3.57	80	Giỏi	QHCC&QC
201	2551100039	PHẠM THÚY QUỲNH	QCK45		83.75	Giỏi	QHCC&QC
202	2551100035	LÊ THỊ THANH NHÀN	QCK45		80.6	Giỏi	QHCC&QC
203	2456160092	HÀ THỊ THU TRANG	TTMKT_K44_A2	3.73	80.5	Giỏi	QHCC&QC
204	2456160093	NGUYỄN THỊ THUỶ TRANG	TTMKT_K44_A2	3.69	81.5	Giỏi	QHCC&QC
205	2456160090	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	TTMKT_K44_A2	3.5	91.75	Giỏi	QHCC&QC
206	2456160044	PHẠM THU TRANG	TTMKT_K44_A1	3.78	80.5	Giỏi	QHCC&QC
207	2456160012	NGUYỄN LINH CHI	TTMKT_K44_A1	3.75	82	Giỏi	QHCC&QC
208	2456160008	TRỊNH NGỌC ANH	TTMKT_K44_A1	3.73	86.5	Giỏi	QHCC&QC
209	2556160059	TRẦN NGỌC ÁNH	TTMKT_K45_A2	3.87	89.5	Giỏi	QHCC&QC
210	2556160058	VŨ PHƯƠNG ANH	TTMKT_K45_A2	3.85	88.5	Giỏi	QHCC&QC
211	2556160087	PHẠM MAI PHƯƠNG	TTMKT_K45_A2	3.89	89	Giỏi	QHCC&QC
212	2351100020	TRỊNH MINH HẰNG	QC K43	4.0	86	Giỏi	QHCC&QC
213	2531100043	HÀ THỊ THANH THANH	QC K43	4.0	85.75	Giỏi	QHCC&QC

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
214	2351100034	LƯU KHÁNH NGÂN	QC K43	4.0	82.25	Giỏi	QHCC&QC
215	2356140016	VŨ ĐÌNH HIẾU	QHQT&TTTC 43	3.95	83.5	Giỏi	QHQT
216	2356140015	TRẦN THỊ THU HÀ	QHQT&TTTC 43	3.95	82	Giỏi	QHQT
217	2356100030	CHU THỊ MAI LIÊN	TTĐN K43	3.88	86	Giỏi	QHQT
218	2356100019	TRẦN THỊ NGỌC DUNG	TTĐN K43	3.88	83	Giỏi	QHQT
219	2356100010	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	TTĐN K43	3.76	88.5	Giỏi	QHQT
220	2356110007	VƯƠNG KIM ANH	QHCT&TTQT K43	3.92	88.5	Giỏi	QHQT
221	2356110021	TRẦN HÀ NGỌC HUYỀN	QHCT&TTQT K43	3.8	87.5	Giỏi	QHQT
222	2356110041	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	QHCT&TTQT K43	3.8	87.3	Giỏi	QHQT
223	2556140037	HOÀNG NGUYỄN LINH NHI	QHQT&TTTC K45	3.59	82.5	Giỏi	QHQT
224	2556140028	NGUYỄN HOÀNG LAN	QHQT&TTTC K45	3.56	88.5	Giỏi	QHQT
225	2556140031	DƯƠNG THẢO MY	QHQT&TTTC K45	3.52	80.5	Giỏi	QHQT
226	2456100042	ĐOÀN XUÂN NHẬT PHƯƠNG	TTĐN_K44	3.86	85.5	Giỏi	QHQT
227	2456100044	LÊ PHAN NHƯ QUỲNH	TTĐN_K44	3.78	84.5	Giỏi	QHQT
228	2456100024	LÊ THU HUYỀN	TTĐN_K44	3.76	85.5	Giỏi	QHQT
229	2456100051	LÊ KIỀU TRANG	TTĐN_K44	3.76	80	Giỏi	QHQT
230	2556100034	VŨ GIA LINH	TTĐN K45	3.86	89.25	Giỏi	QHQT
231	2556100044	NGUYỄN PHẠM THANH NHƯ	TTĐN K45	3.71	84.5	Giỏi	QHQT
232	2556100040	BÙI TRẦN BẢO NGHI	TTĐN K45	3.61	81	Giỏi	QHQT
233	2556100028	NGUYỄN TÚ LAM	TTĐN K45	3.57	85.5	Giỏi	QHQT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
234	2556110032	ĐẶNG LINH NGÂN	QHCT&TTQT K45	3.67	86.5	Giỏi	QHQT
235	2556110042	ĐOÀN HỒNG NHUNG	QHCT&TTQT K45	3.63	85.5	Giỏi	QHQT
236	2556110007	PHẠM LÊ MINH ANH	QHCT&TTQT K45	3.56	82	Giỏi	QHQT
237	2556110012	LẠI THỊ THÙY DIỄM	QHCT&TTQT K45	3.44	81	Giỏi	QHQT
238	2556110028	NGUYỄN HƯƠNG LY	QHCT&TTQT K45	3.41	84.5	Giỏi	QHQT
239	2456140022	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	QHQT&TTTC K44	3.77	80	Giỏi	QHQT
240	2456140014	NGUYỄN MINH HỒNG	QHQT&TTTC K44	3.76	85.5	Giỏi	QHQT
241	2456140019	HOÀNG LÊ DIỆU LINH	QHQT&TTTC K44	3.59	81.75	Giỏi	QHQT
242	2456140006	NGUYỄN THỊ NGỌC BÌNH	QHQT&TTTC K44	3.54	87.5	Giỏi	QHQT
243	2456140041	NGUYỄN THỊ THU THỦY	QHQT&TTTC K44	3.53	86	Giỏi	QHQT
244	2551070015	LƯ PHƯƠNG DUNG	TTQT K45	3.81	83.75	Giỏi	QHQT
245	2551070033	PHẠM MINH NGỌC	TTQT K45	3.8	83.25	Giỏi	QHQT
246	2551070035	TRẦN LÊ HẠNH NGUYÊN	TTQT K45	3.61	81	Giỏi	QHQT
247	2551070021	TRẦN THỊ THU HUỆ	TTQT K45	3.59	86.5	Giỏi	QHQT
248	2451070019	VÕ THỊ THU HÀ	TTQT K44	3.83	88.75	Giỏi	QHQT
249	2451070029	TRẦN MAI HƯƠNG	TTQT K44	3.74	85	Giỏi	QHQT
250	2451070046	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	TTQT K44	3.71	86	Giỏi	QHQT
251	2355300017	NGUYỄN HỮU HÙNG	QLHĐTT-VH K43	3.85	89.75	Giỏi	TT
252	2355300016	LÊ THỊ THU HẰNG	QLHĐTT-VH K43	3.89	85	Giỏi	TT
253	2355300052	CHU HIỂU TUYẾT	QLHĐTT-VH K43	3.66	82	Giỏi	TT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
254	2355300041	NGÔ THẾ QUYỀN	QLHĐTT-VH K43	3.63	84.5	Giỏi	TT
255	2455380022	LÊ PHƯƠNG LINH	TTCS K44	3.92	85	Giỏi	TT
256	2455380025	NGUYỄN KHÁNH LINH	TTCS K44	3.73	87	Giỏi	TT
257	2455300116	DƯƠNG THỊ THU TRÀ	CTTTVH K44 A2	3.67	83.6	Giỏi	TT
258	2455300088	DƯƠNG THỊ GIAO LINH	CTTTVH K44 A2	3.66	84.1	Giỏi	TT
259	2455300091	PHẠM THỊ MỸ LINH	CTTTVH K44 A2	3.39	81.3	Giỏi	TT
260	2455300007	PHẠM HỒ HIẾU ANH	CTTTVH K44 A1	3.58	92.75	Giỏi	TT
261	2455300055	ĐOÀN MINH TRANG	CTTTVH K44 A1	3.55	85.25	Giỏi	TT
262	2555380015	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	TTCS K45	3.51	95	Giỏi	TT
263	2555380054	CAO THANH THẢO	TTCS K45	3.41	82	Giỏi	TT
264	2555380063	PHẠM ANH TUẤN	TTCS K45	3.25	95	Giỏi	TT
265	2555380027	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	TTCS K45	3.21	85	Giỏi	TT
266	2555300005	NGUYỄN GIA BẢO	CTTT-VH K45A1	3.23	88	Giỏi	TT
267	2555300064	TRẦN HƯƠNG GIANG	CTTT-VH K45A2	3.62	80	Giỏi	TT
268	2555300079	DƯƠNG ĐỨC LONG	CTTT-VH K45A2	3.59	85.5	Giỏi	TT
269	2555300023	PHẠM BÙI GIA LINH	CTTT-VH K45A2	3.51	87.5	Giỏi	TT
270	2555300110	NGUYỄN THỊ NGỌC VINH	CTTT-VH K45A2	3.4	95	Giỏi	TT
271	2452050095	ĐỖ THỊ HỒNG NGỌC	QLNN K44A2	3.29	84	Giỏi	NNPL
272	2452050108	LẠI THUÝ THUÝ	QLNN K44A2	3.51	84.5	Giỏi	NNPL
273	2452050117	NGÔ KHÁNH VY	QLNN K44A2	3.79	80.5	Giỏi	NNPL

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
274	2552050070	ĐỖ HƯƠNG GIANG	QLNN K45A2	3.55	83	Giỏi	NNPL
275	2552050086	NGUYỄN ĐÌNH MINH	QLNN K45A2	3.47	81	Giỏi	NNPL
276	2552050107	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	QLNN K45A2	3.52	86	Giỏi	NNPL
277	2552050080	ĐOÀN YẾN LINH	QLNN K45A2	3.43	81	Giỏi	NNPL
278	2452050010	ĐỖ THỊ HỒNG DIỄM	QLNN K44A1	3.54	86	Giỏi	NNPL
279	2452050022	PHẠM TRUNG KIÊN	QLNN K44A1	3.43	84.5	Giỏi	NNPL
280	2452050053	ĐẶNG THỊ THU TRANG	QLNN K44A1	3.24	80.5	Giỏi	NNPL
281	2355370009	HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG	QLHCNN_K43	3.79	88.25	Giỏi	NNPL
282	2355370027	ĐÀO KHÁNH LY	QLHCNN_K43	3.74	86.25	Giỏi	NNPL
283	2355320007	ĐƯỜNG MINH ÁNH	QLXH K43	3.73	88.5	Giỏi	NNPL
284	2355320029	HÀ THỊ ÁNH NGUYỆT	QLXH K43	3.62	84	Giỏi	NNPL
285	2355320031	HỒ NGỌC NHI	QLXH K43	3.58	81	Giỏi	NNPL
286	2552050034	TRẦN KHÁNH NGỌC	QLNN K45A1	3.21	87.75	Giỏi	NNPL
287	2452020048	NGUYỄN THANH TRÀ	XDD&CQNN K44A1	3.69	81.5	Giỏi	XDD
288	2452020016	HÀ NGUYỄN MINH ĐỨC	XDD&CQNN K44A1	3.3	92	Giỏi	XDD
289	2452020091	KIỀU THỊ MINH NGỌC	XDD&CQNN K44A2	3.46	83.5	Giỏi	XDD
290	2452020090	PHẠM KHÁNH NGÂN	XDD&CQNN K44A2	3.3	87.5	Giỏi	XDD
291	2352020032	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	XDD&CQNN K43A1	3.84	88	Giỏi	XDD
292	2352020042	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	XDD&CQNN K43A1	3.84	88	Giỏi	XDD
293	2552020026	CHU PHƯƠNG LINH	XDD&CQNN K45A1	3.63	81	Giỏi	XDD

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
294	2552020029	NGUYỄN KHÁNH LINH	XDD&CQNN K45A1	3.46	84	Giỏi	XDD
295	2552020095	VŨ LAN PHƯƠNG	XDD&CQNN K45A2	3.34	82	Giỏi	XDD
296	2552020084	QUAN THỊ LINH	XDD&CQNN K45A2	3.24	84.5	Giỏi	XDD
297	2552020103	PHAN YẾN TRANG	XDD&CQNN K45A2	3.24	91.25	Giỏi	XDD
298	2450010053	NGUYỄN BÁ VŨ	TRIET_K44	3.81	89.5	Giỏi	TRIẾT HỌC
299	2450010032	ĐỖ TRỊNH THẢO NGÂN	TRIET_K44	3.51	85.5	Giỏi	TRIẾT HỌC
300	2450010049	PHẠM BẢO TRÂM	TRIET_K44	3.37	85.5	Giỏi	TRIẾT HỌC
301	2450010031	LÊ THỊ TRÀ MY	TRIET_K44	3.35	87.5	Giỏi	TRIẾT HỌC
302	2350010028	PHẠM THANH QUYỀN	TRIET_K43	3.91	89.5	Giỏi	TRIẾT HỌC
303	2350010036	HÀN GIA THƯỜNG	TRIET_K43	3.91	83.75	Giỏi	TRIẾT HỌC
304	2550010024	NGUYỄN NHẬT MINH	TRIET_K45	3.54	86.25	Giỏi	TRIẾT HỌC
305	2350080015	BÙI THU HUỆ	CNXHKH K43	3.67	89.75	Giỏi	CNXHKH
306	2350080042	TRẦN QUANG TÚ	CNXHKH K43	3.67	88.5	Giỏi	CNXHKH
307	2550080035	VÕ THÁI SƠN	CNXHKH_K45	3.48	87	Giỏi	CNXHKH
308	2550080043	TRẦN HUYỀN TRÂN	CNXHKH_K45	3.41	84	Giỏi	CNXHKH
309	2550080045	TỔNG THU UYÊN	CNXHKH_K45	3.26	80	Giỏi	CNXHKH
310	2450080005	NGUYỄN NGỌC ÁNH	CNXHKH_K44	3.36	98	Giỏi	CNXHKH
311	2450080013	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	CNXHKH_K44	3.23	92.25	Giỏi	CNXHKH
312	2450080039	NGUYỄN PHƯƠNG TRÀ	CNXHKH_K44	3.49	94	Giỏi	CNXHKH
313	2555330001	ĐẶNG CHÂU ANH	TTHCM K45	3.75	89	Giỏi	TTHCM

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
314	2555330026	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	TTHCM K45	3.55	82	Giỏi	TTHCM
315	2555330022	NGUYỄN MAI LINH	TTHCM K45	3.43	83.5	Giỏi	TTHCM
316	2455330020	NGUYỄN THẢO LY	TTHCM_K44	3.53	87	Giỏi	TTHCM
317	2455330026	ĐỖ YẾN NHI	TTHCM_K44	3.51	81.38	Giỏi	TTHCM
318	2455330028	LÊ UYÊN NHI	TTHCM_K44	3.35	80.75	Giỏi	TTHCM
319	2455330009	TRẦN QUANG HUY	TTHCM_K44	3.33	91	Giỏi	TTHCM
320	2355330051	NGUYỄN THẢO UYÊN	TTHCM_K43	3.69	86	Giỏi	TTHCM
321	2550100030	MAI BÍCH NGỌC	LSĐ_K45	3.35	80	Giỏi	LSĐ
322	2550100011	ĐÀO ĐỨC CƯỜNG	LSĐ_K45	3.33	86	Giỏi	LSĐ
323	2550100031	PHẠM THẢO NHI	LSĐ_K45	3.26	88	Giỏi	LSĐ
324	2450100032	NGUYỄN THỊ MAI LOAN	LSĐ_K44	3.41	80.5	Giỏi	LSĐ
325	2450100025	HOÀNG ĐỨC HUY	LSĐ_K44	3.4	84	Giỏi	LSĐ
326	2352010024	NGUYỄN THANH HUỆ	NNA K43	3.38	95.5	Giỏi	NN
327	2352010032	PHẠM KHÁNH LINH	NNA K43	3.43	80.5	Giỏi	NN
328	2352010033	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	NNA K43	3.45	80	Giỏi	NN
329	2352010039	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	NNA K43	3.63	87	Giỏi	NN
330	2452010005	TRỊNH THỊ KIỀU ANH	NNA K44	3.46	84.5	Giỏi	NN
331	2452010010	PHẠM LÊ QUỲNH CHI	NNA K44	3.45	80	Giỏi	NN
332	2452010019	NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	NNA K44	3.33	86.25	Giỏi	NN
333	2452010046	DƯƠNG ĐỨC THÀNH	NNA K44	3.54	95.25	Giỏi	NN

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
334	2552010004	ĐỖ THỊ MAI ANH	NNA K45	3.43	86.75	Giỏi	NN
335	2552010036	TRẦN BÌNH MINH	NNA K45	3.57	80.5	Giỏi	NN
336	2552010024	VŨ QUANG KHẢI	NNA K45	3.54	81.25	Giỏi	NN
337	2552010023	VŨ MAI HUYỀN	NNA K45	3.52	94.75	Giỏi	NN

III. SINH VIÊN QUỐC TẾ CÓ THÀNH TÍCH TRONG HỌC TẬP (39)

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
1	2355310050	Phengsen BOUNPHAVANH	CTPT_K43	3,36		Giỏi	CTH
2	2355310051	Thongkhan INNALONG	CTPT_K43	3,29		Giỏi	CTH
3	2355310053	Khampheng INTHAVONG	CTPT_K43	3,33		Giỏi	CTH
4	2355310052	Khanthong INTHAVONG	CTPT_K43	3,33		Giỏi	CTH
5	2355310054	Thongkhuem KEONOLIN	CTPT_K43	3,37		Giỏi	CTH
6	2355310055	Phoutsakhone KEOVONGSA	CTPT_K43	3,29		Giỏi	CTH
7	2355310056	Noukone KHAMMAVONGSIM	CTPT_K43	3,29		Giỏi	CTH
8	2355310057	Phitsamai KHOUNSOMBATH	CTPT_K43	3,29		Giỏi	CTH
9	2355310058	Phetthavy PIDCHAVONG	CTPT_K43	3,41		Giỏi	CTH
10	2355310062	Outhith SANHPUNYA	CTPT_K43	3,2		Giỏi	CTH
11	2355310059	Thotsakan SEENTHAVY	CTPT_K43	3,29		Giỏi	CTH
12	2355310060	Thavone SOUVANNAVONG	CTPT_K43	3,37		Giỏi	CTH
13	2355310061	Kiangkham VONGDACHAN	CTPT_K43	3,29		Giỏi	CTH
14	2351020049	Sinakhone OUTTHA VONG	KTCT_K43	3,07		Khá	KTCT

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
15	2554030091	OULAIBONE BOUTVINAY	QLC_K45A1	2,71		Khá	CTH
16	2554030090	VIKANDA CHOMTHAVI	QLC_K45A1	3		Khá	CTH
17	2555310054	SOUNY NOUKIXONG	CTPT_K45	2,54		Khá	CTH
18	2555310050	VARTHSANA SANGMEXAI	CTPT_K45	2,54		Khá	CTH
19	2553010049	LATXIA SENGPHOUSY	XHH_K45	2,69		Khá	XHH&PT
20	2451040164	KHANNGUNE KHAMSAKDA	TTĐPT_K44A3	2,95		Khá	BC-TT
21	2551040165	CHANNAPHA SOMSANITH	TTĐPT_K45A1	3,02		Khá	BC-TT
22	2352020098	Phouttha MOUNPHACHANH	XĐĐ_K43A1	3,11		Khá	XĐĐ
23	2352020099	Somchanh NIMMANY	XĐĐ_K43A1	3,29		Giỏi	XĐĐ
24	2352020097	Khamphouvong OUNKEO	XĐĐ_K43A1	3,36		Giỏi	XĐĐ
25	2352020095	Mai SIHUEANGXAY	XĐĐ_K43A1	3,33		Giỏi	XĐĐ
26	2352020096	Phonephet THONGMANIVONG	XĐĐ_K43A1	3,36		Giỏi	XĐĐ
27	2455310061	MANIVAN LATSAVONG	CTPT_K44	2,93		Khá	CTH
28	2455310065	VANHVIENGXAY PHOMMASENG	CTPT_K44	2,81		Khá	CTH
29	2455310068	THANOUSONE PHUANGPHETH	CTPT_K44	2,76		Khá	CTH
30	2455310070	KHAMCHAN SEANPATI	CTPT_K44	2,89		Khá	CTH
31	2455310064	THONGSAVARD SENGCHANDY	CTPT_K44	2,74		Khá	CTH
32	2455310072	CHANTHAPHONE SENGSOULIYO	CTPT_K44	2,76		Khá	CTH
33	2455310062	SOMMAY SIMMAVONG	CTPT_K44	2,89		Khá	CTH
34	2455310060	DAOPHET SOYDALA	CTPT_K44	2,65		Khá	CTH

STT	MSV	Họ và Tên	Lớp	TBHT	TBRL	Loại khen thưởng	Khoa/viện
35	2455310059	SOULIXAY THAMMAVONGSA	CTPT_K44	2,97		Khá	CTH
36	2455310074	Keonoyxay VAYSOULINGEUN	CTPT_K44	2,79		Khá	CTH
37	2455310067	KHAMSAENG VILAISAK	CTPT_K44	2,9		Khá	CTH
38	2455310063	SOMWANG XAPAKDY	CTPT_K44	2,81		Khá	CTH
39	2455310069	KONGXAY XAYABOUTH	CTPT_K44	2,83		Khá	CTH

IV. TẬP THẺ LỚP SINH VIÊN XUẤT SẮC (01)

STT	Lớp	Loại khen thưởng	Khoa/viện
1	Báo in K43	Tập thể lớp Sinh viên Xuất sắc	BC-TT